TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 972/2024/HC-PT
Ngày: 09-9-2024
"*V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Ông Nguyễn Văn Khương

***- Thư ký phiên toà*:** ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Tấn Cương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 114/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc *"khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 185/2023/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2601/2024/QĐ-PT ngày 02/8/2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1973. Địa chỉ: 2 K, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1968. Địa chỉ: H T, Phường A, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Nguyên H1 – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Võ Bùi An L – Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Xuân N - Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Trung T1. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Nguyễn Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/6/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Nguyễn Trung T *trình bày:*

Vào năm 1997, ông T về công tác tại Trường tiểu học T5, thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do điều kiện nhà công vụ chật hẹp, không đủ điều kiện sinh hoạt, ăn ở cho giáo viên, cán bộ công nhân viên nên ông có làm đơn và được Trường tiểu học T5 xác nhận. Ủy ban nhân dân (UBND) xã T đã cấp đất cho ông làm nhà ở, đất sản xuất nông nghiệp vào ngày 21/6/1999 và đồng ý cho ông xây dựng nhà ở ngày 19/7/1999 tại thửa đất số 181, tờ bản đồ 37, xã T. Ông cũng chuyển hộ khẩu về sinh sống tại xã T, huyện Đ.

Cũng trong năm 1999, ông tự khai hoang san lấp khe suối, hố bom, một phần ruộng bỏ hoang để trồng cỏ, nuôi bò, trồng cà phê thuộc tờ bản đồ số 07 (năm 1993), nay là thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đến năm 2001, Trường T5 xây dựng mới không đủ khuôn viên nên ông đã tự nguyện hiến đất cho T2 mẫu giáo Tà Hine gần 20m mặt tiền tương đương 1.200m² để xây dựng trường lớp. Diện tích còn lại là diện tích đất ở, đất sản xuất nông nghiệp thuộc thửa đất số 181 và thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ông đã canh tác, sử dụng ổn định liên tục không ai tranh chấp từ đó đến nay.

Từ năm 2008 đến nay, ông đã nhiều lần làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 nêu trên nhưng không được giải quyết. Ông đã nhiều lần có đơn khiếu nại về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay chưa được giải quyết dứt điểm.

Gần đây nhất, vào ngày 19/04/2023, UBND huyên Đ đã ban hành Văn bản số 326/UBND-DT V/v trả lời đơn của ông Nguyễn Trung T với nội dung: *"...Qua kiểm tra hồ sơ địa chính thì thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 là đất công được UBND huyện tạm giao cho* UBND xã T *quản lý tại Văn bản số 1293/UBND ngày 03/6/2014"* nên thuộc trường hợp không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông T cho rằng những nội dung văn bản trên là không đúng quy định pháp luật về đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông; bởi xét về nguồn gốc thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37, xã T có nguồn gốc do ông khai hoang từ

năm 1999, đã canh tác, sử dụng ổn định liên tục không ai tranh chấp từ đó đến nay vẫn còn đang quản lý sử dụng và canh tác.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Hủy Công văn số 326/UBND-ĐT ngày 19/4/2023 của UBND huyện Đ về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung T.

Buộc UBND huyện Đ thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/11/2023, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết hủy mục số 1. Đối với nội dung kiến nghị xem xét nguồn gốc và cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ 37 (2013), xã T tại Công văn số 326/UBND-ĐT ngày 19/4/2023 của UBND huyện Đ về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung T. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện Đ *ông* Lê Nguyên H1 *trình bày:*

1. Ngày 31/3/2022, UBND huyện Đ nhận được đơn kiến nghị của ông Nguyễn Trung T về việc kiến nghị xem xét nguồn gốc thửa đất 207, tờ bản đồ số 37, xã T.

Ngày 12/4/2022, UBND huyện Đ ban hành Văn bản số 269/UBND-ĐT về việc xử lý đơn của ông Nguyễn Trung T, trong đó giao Phòng T6 chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung T theo đúng quy định.

Ngày 22/3/2023, đại diện Phòng T6 cùng đại diện Ban Q, UBND xã T và ông Nguyễn Trung T làm việc theo giấy mời số 91/GM-TNMT ngày 20/3/2023 của Phòng T6 để phối hợp kiểm tra xác minh một số nội dung có liên quan đến đơn của ông Nguyễn Trung T. Tại buổi làm việc, ông Nguyễn Trung T đề nghị xem xét các nội dung sau: cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013), xã T; kiểm tra việc cấp GCN của các thửa 319, tờ bản đồ số 37 (2013), thửa 1136, tờ bản đồ số 38 (2013) hiện nay đã cấp GCN cho hộ Ya Tám và bà Ma L1; hủy bỏ Quyết định số 55/QĐ-XPHC ngày 09/7/2009 của Chủ tịch UBND huyện Đ về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Trung T1 (bố đẻ ông Nguyễn Trung T).

Ngày 24/3/2023 và ngày 31/3/2023, Phòng T6 có văn bản số 217/TNMT, 229/TNMT về việc kiểm tra vị trí vi phạm của ông Nguyễn Trung T1 gửi Ban Q. Ngày 31/3/2023, Ban Q có Văn bản số 25/BQLR xác định: *"Theo họa đồ vị trí lấn chiếm, vị trí có tọa độ tâm lô (UTM): 211159^{o}E - 1281815^{o}N theo Biên bản số 29641/BB-KT, ngày 04/6/2009 do* Ban Q1 *(nay là* Ban Q*) lập, toàn bộ diện tích 800m^2 thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp, rừng phòng hộ, do* Ban Q1 *(nay là* Ban Q*) quản lý".*

Từ kết quả kiểm tra xác minh và thu thập các tài liệu liên quan, Phòng T6 đã tổng hợp Báo cáo số 120/BC-TNMT ngày 05/4/2023 theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định. Nội dung báo cáo phản ánh chân thật, khách quan các hồ sơ, thông tin thu thập được, cụ thể:

a. Đối với nội dung kiến nghị xem xét nguồn gốc thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013), xã T*:*

Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013), xã T chưa được đo đạc bản đồ địa chính 299 xã T. Qua kiểm tra bản đồ địa chính đo đạc 299, xã T thể hiện thửa đất số 879, 893 tờ bản đồ số 7 (299) được can vẽ ngoài bản đồ. Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013) tương ứng với một phần diện tích thửa đất số 879 và một phần diện tích thửa đất số 893, tờ bản đồ số 7 (B), xã T. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính thì thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013) là đất công do UBND xã T quản lý theo Văn bản số 1293/UBND ngày 03/6/2014 của UBND huyện về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã T quản lý.

Kiểm tra hồ sơ lưu trữ, năm 2001, ông Nguyễn Trung T1 (bố ông Nguyễn Trung T) có bản cam kết đề nghị được sử dụng diện tích đất trên trong thời gian nhà nước chưa sử dụng diện tích đất trên để trồng cây hàng năm. Khi nhà nước thu hồi, gia đình ông sẽ trả lại cho Nhà nước.

Ngày 21/01/2020, UBND huyện Đ đã ban hành Văn bản số 39/UBND-ĐT V/v trả lời đơn của ông Nguyễn Trung T, trong đó thể hiện: Ông Nguyễn Trung T đề nghị xem xét cấp GCN đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ 37 (2013), xã T là không có cơ sở xem xét.

b. Đối với nội dung kiến nghị huỷ bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55/QĐ-XPHC ngày 09/7/2009 của UBND huyện Đ*:*

Ngày 04/6/2009, ông Nguyễn Trung T1 lấn chiếm đất rừng với diện tích 800m^2 tại vị trí tại lô a4, khoảnh 6, tiểu khu C, xã T để sản xuất nông nghiệp trái phép, đã bị Ban Q1 lập biên bản đình chỉ, ngày 30/6/2009, UBND xã T đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 55/QĐ-XPHC ngày 09/7/2009.

Theo kết quả kiểm tra, xác minh của Ban Q tại Văn bản số 25/BQLR ngày 31/3/2023 V/v kiểm tra, xác minh vị trí vi phạm của ông Nguyễn Trung T1 thì vị trí có toạ độ tâm lô (UTM): 211159ºE - 1281315ºN theo Biên bản số 29641/BB-KT ngày 04/6/2009 do Ban QLRPH Ninh Gia lập toàn bộ diện tích 800m^2 do Ban Q1 (Nay là Ban Q) quản lý.

Theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại 2011 quy định: *"Thời hiệu khiếu nại: Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính; Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại".*

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 55/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2009 V/v xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Trung T1, nhưng ông T1 không khiếu nại theo quy định. Như vậy, Quyết định số 55/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2009 của UBND huyện đã có hiệu lực thực hiện và hết thời hiệu để khiếu nại theo quy định. Do đó, việc ông Nguyễn Trung T đề nghị hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55/QĐ-XPHC ngày 09/7/2009 của UBND huyện Đ. Bồi thường lại cho gia đình ông Nguyễn Trung T1 là không có cơ sở xem xét.

c. Đối với nội dung kiểm tra việc cấp GCN của các thửa 319, tờ bản đồ số 37 (2013); thửa đất số 1136, tờ bản đồ 38 (2013) hiện nay đã được cấp GCN cho hộ ông Ya T3 *và bà* Ma L1*:*

Ngày 20/6/2017, UBND huyện Đ đã cấp GCN số CA 179878; CA 179879 cho ông Ya T3 và bà Ma L1 ngụ tại xã T đối với thửa đất số 1136, tờ bản đồ 38 (2013); thửa đất số 319, tờ bản đồ số 37 (2013), xã T.

Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thửa đất số 319, tờ bản đồ số 37 (2013); thửa đất số 1136, tờ bản đồ 38 (2013), xã T. Ngày 18/4/2017, ông Ya T3 và bà Ma L1 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1136, tờ bản đồ 38 (2013); thửa đất số 319, tờ bản đồ số 37 (2013), xã T. UBND xã T đã xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông Ya T3 và bà Ma L1 đủ điều kiện và thực hiện thủ tục niêm yết công khai và kết thúc niêm yết theo quy định.

Theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 18/4/2017 do ông Ya L2- Trưởng thôn chủ trì được UBND xã T xác nhận có nguồn gốc: Khai phá năm 2003, sử dụng ổn định không tranh chấp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013 quy định:

"*2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*".

Sau khi kết thúc niêm yết, ngày 09/5/2014, UBND xã T đã có Tờ trình số 38/TTr-UBND V/v cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu xã T, huyện Đ. Hồ sơ cấp lần đầu của ông Ya T3 và bà Ma L1 đã được phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thẩm định và có Tờ trình số 160/TTr-TNMT ngày 16/6/2017 V/v đề nghị công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho ông Ya T3 và bà Ma L1 tại xã T.

Trên cơ sở đó, ngày 20/6/2017, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1093/QĐ-UBND-ĐĐ V/v công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho ông Ya T3 và bà Ma L1 tại xã T đối với thửa đất số 1136, tờ bản đồ 38 (2013); thửa đất số 319, tờ bản đồ số 37 (2013), xã T. Hồ sơ được lập đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định.

Do đó, việc UBND huyện Đ ban hành văn bản số 326/UBND-ĐT ngày 19/4/2023 về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung T dựa trên cơ sở nội dung báo cáo số 120/BC-TNMT ngày 05/4/2023 của phòng T6 về kết quả kiểm tra xác minh đơn của ông Nguyễn Trung T và các hồ sơ kèm theo đúng theo trình tự, quy định của pháp luật.

2. Ý kiến của UBND huyện Đ đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013), xã T thuộc đất rừng chưa được đo đạc bản đồ địa chính 299, xã T mà được can vẽ ngoài bản đồ. Qua kiểm tra bản đồ địa chính đo đạc 299, xã T thể hiện thửa đất số 879, 893, tờ bản đồ số 7 (299) được can vẽ ngoài bản đồ. Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013) tương ứng với một phần diện tích thửa đất số 879 và một phần diện tích thửa đất số 893, tờ bản đồ số 7 (B), xã T. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính thì thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013) là đất công do UBND xã T quản lý theo Văn bản số 1293/UBND ngày 03/6/2014 của UBND huyện về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã T quản lý. Năm 2001, ông Nguyễn Trung T1 (bố ông Nguyễn Trung T) có bản cam kết đề nghị được sử dụng diện tích đất trên trong thời gian nhà nước chưa sử dụng diện tích đất trên để trồng cây hàng năm. Khi nhà nước thu hồi, gia đình ông sẽ trả lại cho Nhà nước. Đến năm 2009, ông Nguyễn Trung T1 tiếp tục lấn chiếm đất rừng với diện tích 800m^2 tại vị trí nêu trên để sản xuất nông nghiệp trái phép và đã bị Ban Q1 lập biên bản đình chỉ, chuyển hồ sơ đến UBND xã T lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Trên cơ sở đề xuất các ngành, UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai số 55/QĐ-XPHC ngày 09/7/2009. Ngày 02/11/2021, UBND xã T đã có Thông báo số 80/TB-UBND đề nghị hộ ông Nguyễn Trung T tự giải tỏa cây trồng trên đất công do UBND xã quản lý như nêu trên.

Theo Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định các trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, gồm *"Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn"*.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc ông T đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại thôn T, xã T không đủ điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án căn cứ các hồ sơ có liên quan, xử bác nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T *trình bày:*

Năm 2017, ông Nguyễn Trung T (có địa chỉ thường trú tại 2 K, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) bố là ông Nguyễn Trung T1 có địa chỉ thường trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) có nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy

CNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất số 207, tờ BĐ 37(2013), xã T. Nguồn gốc đất: Ông Nguyễn Trung T kê khai do khai hoang vào tháng 9 năm 1999.

Hồ sơ địa chính do UBND xã T quản lý thể hiện:

1. Thửa đất số 207, tờ BĐ 37 (2013), xã T chưa được đo đạc bản đồ địa chính 299 tương ứng với một phần các thửa đất số 879, 893 tờ BĐ số 7 (299); thửa đất số 879, 893 được can vẽ ngoài bản đồ. Theo mục kê 2013, thửa 207, tờ BĐ 37 thể hiện ông Nguyễn Trung T1 kê khai đăng ký; chưa cấp GCN. Mặt khác, tại vị trí thửa đất này trước đây ông Nguyễn Trung T1 có bản cam kết mượn đất để sản xuất và được UBND xã T xác nhận vào ngày 18/6/2001. Trong quá trình sử dụng, ông Nguyễn Trung T1 có lấn chiếm đất lâm nghiệp và đã được UBND huyện Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55/QĐ-XPHC ngày 09/7/2009. Theo đó, ông Nguyễn Trung T kiến nghị UBND huyện Đ huỷ bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55/QĐ-XPHC ngày 09/7/2009 của UBND huyện và đã được UBND huyện trả lời tại văn bản số 326/UBND-ĐT ngày 19/4/2023 trong đó có nội dung: *".... việc UBND huyện ban hành Quyết định số 55/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2009 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông* Nguyễn Trung T1 *không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông* Nguyễn Trung T*; đồng thời Quyết định nêu trên đã có hiệu lực thực hiện và hết thời hiệu để khiếu nại theo quy định. Bên cạnh đó, tại biên bản kiểm tra số 29641/BB-KT ngày 04/6/2009 của Ban QLR PH Ninh Gia, ông* Nguyễn Trung T1 *đã ký tên xác nhận việc lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép với diện tích 0,08 ha tại lô át, khoảnh 6,* Tiểu khu C, xã T. *Do đó, việc ông* Nguyễn Trung T *đề nghị hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 55/QĐ-XPHC ngày 09/7/2009 của UBND huyện và bồi thường lại cho gia đình ông* Nguyễn Trung T1 *là không có cơ sở xem xét".*

2. Thửa đất số 207, tờ BĐ 37(2013) thuộc quỹ đất công do UBND huyện Đ tạm giao cho UBND xã T quản lý theo Văn bản số 1293/UBND ngày 03/6/2014. Vì vậy, hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu của ông Nguyễn Trung T không thực hiện được; UBND xã T đã có Văn bản số 28/UBND ngày 26/7/2017. Sau đó, ông Nguyễn Trung T tiếp tục có đơn kiến nghị UBND huyện giải quyết việc cấp GCN đối với thửa đất trên và đã được UBND huyện Đ trả lời tại văn số 326/UBND-ĐT ngày 19/4/2023. Trong đó có nội dung: *"Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013),* xã T *không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".*

Mặt khác, ông Nguyễn Trung T trước đây là cán bộ nhân viên trường Tiểu học T5, cán bộ xã T. Trong thời gian công tác, đã được Nhà nước hỗ trợ cấp đất ở và đất sản xuất nông nghiệp và được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 979410 ngày 14/12/2021 đối với thửa đất số 181/1898,6m² (trong đó đất ONT: 400m², đất CLN: 1898,6m²), tờ BĐ 37 (2013), xã T.

Như vậy, căn cứ theo Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định các trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, gồm *"Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn"*. Vì vậy, việc ông Nguyễn Trung T đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013), xã T là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T1 *trình bày:* diện tích đất mà Tòa án tiến hành đo đạc; xem xét, thẩm định ngày 21/9/2023 là của ông Nguyễn Trung T, không phải đất của ông T1. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do tuổi cao sức yếu nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 185/2023/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T về việc yêu cầu hủy mục số 1. Đối với nội dung kiến nghị xem xét nguồn gốc và cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ 37 (2013), xã T tại Công văn số 326/UBND-ĐT ngày 19/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung T. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2023, ông Nguyễn Trung T có đơn kháng cáo không đồng ý với Quyết định của bản án sơ thẩm; đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Trong phần tranh luận, người khởi kiện ông Nguyễn Trung T *và người đại diện ông* Phạm ngọc H2 *giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thống nhất trình bày:* đề nghị Hội đồng xét xử cho dừng phiên tòa để xem xét lại các tài liệu do Ủy ban cung cấp tại cấp phúc thẩm. Diện tích đất ông T khai hoang, sử dụng ổn định đến nay, không nằm trong đất do Ủy ban nhân dân xã Q2. Tài liệu chứng cứ Ủy ban cung cấp tại cấp phúc thẩm là không khách quan và không đúng sự thật. Các bản đo vẽ như chúng tôi đã cung cấp thì diện tích đất mà ông T1 – Cha của ông T ký mượn cũng như diện tích đất ông T1 bị xử phạt vi phạm hành chính không thuộc thửa 207 mà ông T đang khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ tài liệu, bản đồ đo vẽ, và nhân chứng để quyết định vụ án một cách khách quan, đúng pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của luật tố tụng hành chính. Về nội dung: xét thấy tòa cấp sơ thẩm xác định diện tích đất ông T yêu cầu cấp giấy chứng nhận là do Ủy ban nhân dân huyện Đ giao Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Ông T không chứng minh nguồn gốc đất do ông khai phá và quản lý hợp pháp

nên việc Ủy ban nhân dân huyện Đ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Trung T còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T1 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, tư cách người tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: ông Nguyễn Trung T yêu cầu hủy mục số 1 đối với nội dung kiến nghị xem xét nguồn gốc và cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ 37 (2013), xã T tại Công văn số 326/UBND-ĐT ngày 19/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung T. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Theo tài liệu chứng cứ thu thập của tòa cấp sơ thẩm thể hiện:

[3.1] Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013), xã T thuộc đất rừng chưa được đo đạc bản đồ địa chính 299, xã T mà được can vẽ ngoài bản đồ Bản đồ địa chính đo đạc 299. Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013) tương ứng với một phần diện tích thửa đất số 879 và một phần diện tích thửa đất số 893, tờ bản đồ số 7 (B), xã T.

[3.2] Hồ sơ địa chính thể hiện thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 (2013) là đất công do UBND xã T quản lý theo văn bản số 1293/UBND, ngày 03/6/2014 của UBND huyện về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã T quản lý. Năm 2001, ông Nguyễn Trung T1 (bố ông Nguyễn Trung T) có bản cam kết đề nghị được sử dụng diện tích đất này trong thời gian nhà nước chưa sử dụng diện tích đất trên để trồng cây hàng năm. Khi nhà nước thu hồi, gia đình ông sẽ trả lại cho nhà nước. Đến năm 2009, ông Nguyễn Trung T1 tiếp tục lấn chiếm đất rừng với diện tích 800m^2 tại vị trí nêu trên để sản xuất nông nghiệp trái phép và đã bị Ban Q1 lập biên bản đình chỉ, chuyển hồ sơ đến UBND xã T lập biên bản xử phạt vi phạm

hành chính. Trên cơ sở đề xuất các ngành, UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai số 55/QĐ-XPHC ngày 09/7/2009. Ngày 02/11/2021, UBND xã T đã có Thông báo số 80/TB-UBND đề nghị hộ ông Nguyễn Trung T tự giải tỏa cây trồng trên đất công do UBND xã quản lý như nêu trên.

[3.3] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/9/2023 (BL 114-117) thể hiện:

Về tứ cận đất: phía đông bắc giáp đường ĐT 729; phía tây nam giáp rừng; phía đông nam giáp đất ông Hoàng Văn T4; phía tây bắc giáp đường đất.

Hiện trạng trên đất có trồng cây ngô, chuối (ông T khai do ông trồng); có 5 cây Keo tự mọc; có 01 ao chứa nước diện tích khoảng 50m^2 (ông T khai trước đây là hố bom sau đó ông cải tạo thành ao chứa nước).

Họa đồ đo vẽ ngày 01/11/2023 Của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L (BL 154) thể hiện: tổng diện tích đo đạc theo chỉ ranh của ông Nguyễn Trung T là 5.594,5m^2, thuộc thửa 207, tờ bản đồ 37, xã T, có 856,4m^2 thuộc lộ giới, 45,5m^2 nằm trong quy hoạch 3 loại rừng.

[3.4] Ông T cho rằng diện tích đất này là do ông khai phá nhưng ông không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Trong khi đó tại sổ mục kê đo đạc năm 2013, xã T có tên ông Nguyễn Trung T1 (bố đẻ ông Nguyễn Trung T) đăng ký thửa 207, tờ bản đồ 37 chứ không có tên ông Nguyễn Trung T.

Tại văn bản trình bày ý kiến của Chủ tịch UBND huyện Đ trả lời công văn số 2306/CV-TA, ngày 19/8/2024 của tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh khẳng định nội dung: *"vị trí đất ông* Nguyễn Trung T1 *cam kết mượn ngày 18/6/2001 với* UBND xã T *và vị trí đất ông* T1 *lấn chiếm vào năm 2009 thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 37, tọa lạc* xã T, huyện Đ*, ngoài vị trí đất này ra, từ trước đến nay ông* T1 *không mượn đất để sử dụng tại vị trí khác trên địa bàn xã... Hiện nay vị trí thửa đất số 207, tờ bản đồ số 37 là đất công do* UBND xã T *quản lý thuộc quy hoạch đất có mục đích công cộng theo Quyết định số 1868/QĐ-UBND, ngày 29/9/2023 của* UBND tỉnh L *về việc phê duyệt sử dụng đất đến 2030* huyện Đ *(bao gồm cả thửa 207)... Trong thời gian tới,* UBND huyện Đ *sẽ chỉ đạo các nghành chức năng lập thủ tục thu hồi đất nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương".*

[4] Tại cấp phúc thẩm, ông T cung cấp bản đồ đo vẽ và cho rằng diện tích đất thửa 207 là do ông khai hoang và sử dụng ổn định cho đến nay và trình bày thửa 207 tờ bản đồ số 37 (2013) là không trùng với thửa đất theo quyết định xử phạt số 55/QĐ-XPHC, ngày 04/6/2009 do Ban Q1 (nay là Ban Q) và bản cam kết đề ngày 18/6/2001 của ông Nguyễn Trung T1 với UBND xã T, nên đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ; Tuy nhiên, diện tích đất thửa 207, tờ bản đồ số 13 (2013) ông đang sử dụng và yêu cầu được cấp GCNQSDĐ là đất thuộc quỹ đất của UBND huyện Đ giao xã T quản lý theo Văn bản số 1293/UBND ngày 03/6/2014 của UBND huyện Đ về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã T để xây dựng

hạ tầng cơ sở theo quy hoạch chung của địa phương. Tuy ông T có quản lý sử dụng nhưng không được UBND xã T và UBND huyện Đ giao đất; cũng như chưa giao cho tổ chức hay cá nhân nào quyền sử dụng đất theo quy định nên vẫn thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã T; Do đó, việc ông T xin được cấp GCNQSDĐ là không có căn cứ. UBND huyện Đ ban hành Văn bản số 326/UBND-ĐT ngày 19/4/2023 về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung T là đúng quy định của Luật đất đai 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T, giữ nguyên Văn bản số 326/UBND-ĐT của Ủy ban nhân dân huyện Đ là có cơ sở. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chúng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Trung T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 185/2023/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Trung T phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008752 ngày 11/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hòa **Nguyễn Văn Khương** **Lê Văn An**